

thủy hải sản xuất khẩu.

Thứ tư, là khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào các khu chế xuất Tân Thuận (Nhà Bè) và Linh Trung (Thủ Đức), cũng như các khu công nghiệp mới như Cát Lái (Thủ Đức), Hiệp Phước (Nhà Bè) và ở các quận, huyện.

Nhu cầu đầu tư của TP trên đây chính là cơ hội mà các nhà đầu tư nước ngoài có thể tìm thấy trong hoạt động tìm kiếm lợi nhuận cho mình.

PV: Thành phố có chính sách, biện pháp khuyến khích nào để thu hút vốn vào các lĩnh vực trên, nhất là thu hút vốn đầu tư vào cơ sở hạ tầng có khả năng sinh lợi thấp?

Ô. PCT: Để có thể tăng cường và mở rộng việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, Thành phố tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trên một số mặt sau:

- Cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin để các đơn vị nước ngoài dễ dàng trong việc quyết định đầu tư.

- Cải tiến thủ tục, rà soát quy trình công tác thẩm định hồ sơ xin đầu tư theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhưng chặt chẽ và đúng luật lệ hiện hành.

Ngoài ra, TP cùng với các ngành trung ương tiến hành xây dựng quy hoạch các ngành kinh tế- kỹ thuật để làm căn cứ cho các quyết định đầu tư, kiến nghị chính phủ sớm xây dựng đồng bộ các văn bản luật pháp và quy định, tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho công cuộc đầu tư.

Riêng các dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng dưới hình thức hợp đồng xây dựng- kinh doanh- chuyển giao (Build - Operate - Transfer: B.O.T), chủ đầu tư sẽ nhận được các chính sách ưu đãi như được miễn tiền thuê đất, được hưởng thuế lợi tức với mức thấp, được mở tài khoản vốn vay tại Ngân hàng nhà nước, được dùng tài sản và các quyền có giá trị kinh tế để thế chấp cho vốn vay... theo tinh thần nghị định số 87/CP mà chính phủ đã ban hành.

PV: Xin cảm ơn ông về cuộc phỏng vấn này.

NGUYỄN THƯỢNG MINH

thực hiện



Ảnh AN BÌNH

16 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

CHÍNH SÁCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI TÁC DỤNG ĐẾN ĐẦU TƯ VÀ NHẬP KHẨU

PHẠM VĂN NĂNG

ĐHKT



Tỷ giá hối đoái (*taux de change*) là giá đồng tiền nước này tính bằng tiền nước ngoài, nói khác đó là quan hệ so sánh giá trị giữa bản tệ với ngoại tệ.

Bất kỳ chính phủ nước nào cũng muốn thực hiện một chính sách tỷ giá hối đoái tích cực kích thích nền kinh tế phát triển nhưng thực tế thực hiện vấn đề này không đơn giản vì nó không thể nào làm vừa lòng mọi người. Một mức tỷ giá nào đó có thể làm thuận lợi lãnh vực này, đối tượng này thì đồng thời cũng làm cho lĩnh vực khác, đối tượng khác khó khăn.

Chính sách tỷ giá hối đoái ảnh hưởng đến mọi hoạt động của nền kinh tế từ xuất nhập khẩu, tài chính, tín dụng, đầu tư... Phạm vi bài viết này chỉ nêu vài ý kiến về chính sách tỷ giá tác động đến thu hút vốn đầu tư nước ngoài và xuất nhập khẩu hàng hóa.

1. Chính sách tỷ giá giữ bản tệ thấp giá (ngoại tệ cao giá)

Chính sách giữ bản tệ giá thấp có tác dụng thu hút tư bản nước ngoài, các nhà đầu tư quyết định chuyển vốn vào nước có đồng tiền thấp giá sẽ có lợi vì mua sắm được nhiều bất động sản hơn.

Đối với XNK, bản tệ thấp thì giá thành hàng hóa xuất khẩu sẽ hạ, giúp các nhà XNK có thể dùng biện pháp giảm giá để đánh bại đối thủ mình trên thị trường quốc tế, ngược lại hàng hóa

nhập khẩu sẽ đắt hơn trước, nói gọn lại bản tệ thấp giá sẽ kích thích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu hàng hóa.

Ví dụ đơn giản dưới đây sẽ minh họa thêm:

USD/VND = 10.500

Nếu giảm giá VND 10% thì:

USD/VND = 11.000

Trước khi giảm giá, VN xuất khẩu sang Mỹ, nếu một hàng hóa giá thành là 10.000 VND thì phải bán 1 USD. Sau khi giảm giá 10%, cũng hàng hóa đó xuất sang Mỹ bán 1 USD thì nhà xuất khẩu VN thu được 11.000 VND (giá định các điều kiện khác không thay đổi). Do đó chỉ cần bán hơn 0,91 USD nhà xuất khẩu VN vẫn thu về hơn 10.000 VND và họ có thể sử dụng lợi thế này để cạnh tranh trên thị trường thế giới bằng cách giảm giá hàng hóa.

Đối với nhập khẩu thì ngược lại sau khi giảm giá, hàng hóa VN nhập của Mỹ sẽ đắt hơn trước 10% theo thí dụ trên.

Trường hợp Nhật là thực tế điển hình. Sau thế chiến 2 với chính sách giữ đồng yên (JPY) giá thấp (USD/JPY = 360) đã giúp Nhật phát triển ngoại thương nhanh chóng và đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế (xuất khẩu năm 1970 so với 1948 tăng 74,8 lần; GDP từ 1959-1969 bình quân tăng 11% hàng năm).

Mới đây, Thống đốc ngân hàng Trung ương Trung Quốc đã công bố

quyết định kể từ 01.01.1994 giảm giá 35% đồng nhân dân tệ (năm 93: USD = 5,7 nhân dân tệ nay là 8,7).

Các nước Trung và Tây Phi cũng đã giảm giá 50% đồng franc CFA (Communauté Financière Africaine) từ 12.01.1994 : 1 FRF = 100 FCFA (trước 1 FRF = 50 F.CFA)

Các nước trên thực hiện chính sách giảm giá bản tệ nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tất nhiên, giảm giá bản tệ có thể gây nên những phản ứng phụ khác về kinh tế - chính trị - xã hội như giá cả tăng, lạm phát nhích lên, dân chúng phản đối vì thu nhập thực tế bị giảm. Do đó, chính phủ phải tính toán hơn thiệt khi lựa chọn phương án xác định tỉ giá hối đoái.

2. Chính sách tỷ giá giữ bản tệ cao giá (ngoại tệ thấp giá)

Mặt tích cực của chính sách này là lưu thông tiền tệ ổn định, giảm phát, dân chúng tin nhiệm cao bản tệ. Nhưng mặt khác bản tệ cao giá sẽ cản trở việc thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài vào, vì đầu tư vào nước có đồng tiền cao giá không có lợi cho nhà đầu tư về việc mua sắm bất động sản.

Đối với XNK, bản tệ cao giá làm cho giá thành hàng hóa xuất khẩu đắt hơn trước, khó cạnh tranh trên thị trường quốc tế, ngược lại giá hàng nhập khẩu thì lại hạ có lợi cho nhà nhập khẩu.

Kinh nghiệm của nước Anh sau thế chiến thứ 1, giữ nguyên tỷ giá đồng bảng Anh (GBP) như trước chiến tranh (thực tế GBP đã bị mất giá nhiều trong chiến tranh) trong khi các nước khác đều giảm giá đồng tiền mình (Pháp, Đức, Ý...). Chính sách giữ GBP cao giá làm hàng hóa xuất khẩu của Anh không cạnh tranh nổi với hàng hóa các nước khác trên thị trường dẫn đến hậu quả là nền kinh tế Anh suy sụp bắt đầu từ cuối năm 1928 kéo theo khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933.

Gần đây hơn, từ những năm cuối của thập niên 80, JPY ngày càng lên giá làm cho chính phủ Nhật lo ngại và bối rối. Tháng 10.1987 chính phủ Nhật quyết định chi ra gần 10 tỷ USD để mua các chứng khoán của các công ty Mỹ phát hành, đang sụt giá trên thị trường chứng khoán Tokyo để giảm tốc độ mất giá nhanh chóng của USD (tức không muốn cho JPY cao giá). Việc JPY ngày càng tăng giá đã làm cho chính phủ Nhật phải thay đổi chính sách và cơ cấu kinh tế, phải chuyển các công ty, xí nghiệp ra nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu tư bản.

3. Liên hệ VN và ý kiến đề xuất

Từ năm 1989 về trước, VN thực hiện chính sách tỷ giá giữ VND cao giá giả tạo, tỉ giá USD/VND do Ngân hàng nhà nước ấn định chỉ bằng 1/3, 1/2 so

với thị trường. Chính sách này dẫn đến giá thành hàng hóa xuất khẩu đội giá thị trường thế giới còn giá hàng hóa nhập khẩu thì quá rẻ và các công ty XNK thực hiện phương châm "dùng lãi hàng nhập bù lỗ hàng xuất".

Từ năm 1990, do các biện pháp kèm chế và đẩy lùi lạm phát được thực hiện có kết quả, lạm phát từ 3,4 con số xuống 1 con số năm 1993 (lạm phát năm 1991: 67,6%; 92: 17,4%; 93: 5,2%). Thành quả này đã được IMF đánh giá cao và làm ngạc nhiên nhiều nước trên thế giới đang lâm vào tình trạng lạm phát triền miên và phi mã. Đây là thành tựu rất đáng tự hào và phải được bảo vệ một cách kiên quyết (đánh giá

Mỹ dự báo năm 94 lạm phát 3,3%, tôi thử đề xuất mức tỉ giá hợp lý giữa USD và VND dựa vào mối liên hệ với tỉ lệ lạm phát theo phương pháp tính toán dưới đây:

+ Trường hợp năm 94 VN lạm phát khoảng 5%.

Thí dụ, một hàng hóa A như nhau ở thị trường Mỹ và VN (không tính đến thuế quan, phí vận chuyển) cuối năm 93 giá ở Mỹ là 1 USD và ở VN là 10.852 VND.

Vậy: USD/VND = 10.852

Với tỷ lệ lạm phát nêu trên thì giá hàng hóa A năm 94 ở Mỹ sẽ là 1,033 USD và VN là 11394,6 VND.

Vậy USD/VND = 11394,6 / 1,033



của nhóm giáo sư đại học Harvard).

Tuy nhiên ta cần đề phòng căn bệnh cũng không kém phần nguy hiểm do chống lạm phát quá trốn gậy ra (trong đó có việc thực hiện chính sách tài chính tiền tệ chặt). Đó là hiện tượng thiếu phát, là nâng giá tiền tệ của ta. Theo số liệu niên giám thống kê, 1993 so 1992, tỉ giá USD/VND cho thấy đồng tiền ta có chiều hướng lên giá (bình quân 92: USD/VND = 11.307; bình quân 93: USD/VND = 10.639; tháng 01.92: USD/VND = 12.340; tháng 12.93: USD/VND = 10.852).

Về mặt lý luận, sự biến động tỉ giá 2 đồng tiền có liên quan đến tỉ lệ lạm phát của 2 nước, nói cách khác nước nào có tỉ lệ lạm phát lớn hơn thì đồng tiền nước đó sẽ giảm giá hơn (dĩ nhiên phải xét trong thời kỳ dài).

Nhưng thực tế lại nghịch lý, lạm phát của Mỹ năm 92, 93 chỉ 2-3% còn VN 92: 17,4%, 93: 5,2%. Theo phương pháp trên thì USD phải lên giá hơn so với VND.

Trong kỳ họp thứ 4 khóa IX Quốc hội VN đã thông qua nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội năm 94 trong đó có lạm phát dưới 10%. Theo chính phủ

= 11.030,6

+ Trường hợp năm 94 VN lạm phát 10%:

USD/VND = 11.937,2/1,033 = 11.555

Tính toán trên đây chỉ có giá trị tương đối, căn cứ tỷ giá 2 đồng tiền có quan hệ với tỷ lệ lạm phát 2 nước (so sánh sức mua 2 đồng tiền hay đồng giá sức mua) vì trong thực tế giá cả hàng hóa còn phụ thuộc vào nhiều nhân tố khác như quan hệ cung cầu, năng suất lao động mỗi nước, cạnh tranh hay độc quyền... Tuy nhiên phương pháp này ít ra cũng có giá trị tham khảo cho thấy chiều hướng biến động (tăng, giảm) tỉ giá của 2 đồng tiền ít ra trong thời gian từ 1 vài năm trở lên.

Trên đây là vài ý kiến về chính sách tỉ giá, đây là vấn đề khá phức tạp, đòi hỏi chính phủ phải tính toán, vận dụng và lựa chọn phương án sao cho tối ưu nhất. VN cần đẩy mạnh xuất khẩu tiến tới xuất siêu (năm 1993 nhập siêu 300 triệu USD) và thu hút vốn đầu tư từ 4-5 tỷ USD hàng năm thì mục tiêu tăng gấp đôi mức thu nhập đầu người đến năm 2000 mới thành hiện thực ♣